

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 01/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 22/01/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	29209324959	Lại Trang Minh	Anh	05/02/2005	Quảng Nam	31CYC10	9.3	9.9	Đạt	
2	28214352114	Nguyễn Quang	Đức	09/08/2004	Huế	31CYC10	7.7	6.0	Đạt	
3	28206700511	H-loai	Ênuôi	26/02/2003	Đắk Lắk	31CYC10	8.0	8.0	Đạt	
4	29204858331	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	31/08/2005	Quảng Nam	31CYC10	9.7	7.8	Đạt	
5	28204802872	Vũ Thùy	Linh	22/11/2004	Kon Tum	31CYC10	8.7	3.4	Không Đạt	
6	27211535711	Đình Thanh	Long	09/02/2003	Quảng Ngãi	31CYC10	V	V	Không Đạt	
7	28214605530	Trần Quang	Long	13/03/2004	Gia Lai	31CYC10	8.0	9.0	Đạt	
8	28204306474	Trương Thị Thảo	Ly	14/08/2004	Quảng Nam	31CYC10	8.0	5.5	Đạt	
9	29208163014	H Mai	Miô	03/09/2005	Đắk Lắk	31CYC10	8.0	6.8	Đạt	
10	29206535937	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	05/10/2005	Thừa Thiên H	31CYC10	8.0	7.3	Đạt	
11	28204302202	Trần Thị Yến	Nhi	13/09/2004	Quảng Nam	31CYC10	10.0	4.0	Không Đạt	
12	28205203459	H Bất Thi	Niê	27/03/2003	Đắk Lắk	31CYC10	9.3	7.5	Đạt	
13	28206200094	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	21/10/2004	Kon Tum	31CYC10	6.0	5.1	Đạt	
14	28215121100	Trần Hữu	Phước	11/12/2004	Quảng Ngãi	31CYC10	8.3	5.0	Đạt	
15	28204354970	Nguyễn Thị	Quỳnh	09/08/2004	Nghệ An	31CYC10	7.0	5.3	Đạt	
16	29206549016	Nguyễn Thị Như	Thắm	26/06/2005	Đắk Nông	31CYC10	8.7	5.0	Đạt	
17	28204601625	Lâm Anh	Thư	15/06/2004	Đà Nẵng	31CYC10	8.0	5.1	Đạt	
18	28206225387	Võ Thị Anh	Thư	15/06/2004	Đà Nẵng	31CYC10	8.3	6.3	Đạt	
19	29205257119	Trần Đoàn Minh	Thư	29/03/2005	Quảng Ngãi	31CYC10	8.3	6.5	Đạt	
20	28205223210	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	11/06/2004	Quảng Ngãi	31CYC10	9.0	6.3	Đạt	
21	29205261923	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	18/10/2005	Quảng Ngãi	31CYC10	9.7	5.5	Đạt	
22	28207506633	Nguyễn Quế	Trân	09/03/2004	Thanh Hóa	31CYC10	8.0	5.0	Đạt	
23	28209303763	Nguyễn Lê Cát	Trân	17/03/2004	Huế	31CYC10	8.3	5.8	Đạt	
24	29212362989	Mai Xuân	Tươi	05/12/2005	Đà Nẵng	31CYC10	7.7	3.3	Không Đạt	
25	28214323596	Lê Quang	Vinh	01/01/2004	Hà Tĩnh	31CYC10	8.7	6.8	Đạt	
26	28204752487	Lê Trúc	Anh	11/08/2004	Đắk Lắk	31SBN9	8.0	8.8	Đạt	
27	28214306978	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	26/05/2004	Hội An	31SBN9	9.0	7.3	Đạt	
28	28219439711	Nguyễn Thế	Đại	13/07/2004	Đắk Lắk	31SBN9	8.7	8.3	Đạt	
29	27218201072	Trần Lê Thanh	Đạt	07/11/2003	Đà Nẵng	31SBN9	9.0	7.8	Đạt	
30	28206653591	Trương Thị Thùy	Giang	15/05/2004	Quảng Trị	31SBN9	9.7	6.8	Đạt	
31	28208140690	Trần Thị Phương	Hiền	18/02/2004	Đà Nẵng	31SBN9	9.3	6.8	Đạt	
32	28214606048	Võ Đình Khánh	Huân	20/01/2004	Quảng Nam	31SBN9	6.3	5.1	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28206202885	Phạm Thị Mỹ	Hương	22/08/2004	Hội An	31SBN9	9.3	5.8	Đạt	
34	28214354452	Đàm Nguyên	Khánh	27/01/2004	Quảng Trị	31SBN9	8.3	8.5	Đạt	
35	28212303032	Trịnh Việt	Lào	06/08/2004	Quảng Nam	31SBN9	9.0	9.4	Đạt	
36	28208122211	Trần Nguyễn Nhật	My	01/05/2004	Đà Nẵng	31SBN9	5.3	5.3	Đạt	
37	28204523883	Đoàn Thị Kim	Ngọc	12/03/2004	Đà Nẵng	31SBN9	7.3	7.1	Đạt	
38	28207454304	Nguyễn Ngọc Khánh	Nhân	04/10/2004	Đà Nẵng	31SBN9	7.0	2.8	Không Đạt	
39	28204905341	Huỳnh Thị YẾN	Nhi	15/12/2004	Quảng Nam	31SBN9	7.3	5.5	Đạt	
40	28208103603	Lê Ngô Hạ	Như	23/05/2004	Đắk Lắk	31SBN9	8.0	9.0	Đạt	
41	28208254001	Lê Thị Quỳnh	Như	09/06/2004	Quảng Nam	31SBN9	8.3	5.3	Đạt	
42	28208154763	Huỳnh Thị Mỹ	Nhung	29/08/2004	Bình Định	31SBN9	6.0	8.5	Đạt	
43	29204900055	Lê Thị Xuân	Phương	31/05/2005	Khánh Hòa	31SBN9	9.7	7.0	Đạt	
44	28212300463	Lý Xuân	Sơn	31/10/2004	Quảng Nam	31SBN9	8.3	6.9	Đạt	
45	26215430245	Lê Đức Anh	Tài	20/03/2002	Quảng Trị	31SBN9	9.0	8.8	Đạt	
46	28208002336	Nguyễn Thị Hoài	Thương	11/02/2004	Đà Nẵng	31SBN9	5.0	5.3	Đạt	
47	28212406326	Phạm Đức	Tiến	10/06/2004	Phú Yên	31SBN9	5.7	6.9	Đạt	
48	28214306655	Lê Văn	Tinh	05/04/2004	Đà Nẵng	31SBN9	7.7	9.3	Đạt	
49	28211149259	Nguyễn Xuân	Tùng	11/05/2004	Đà Nẵng	31SBN9	7.3	6.8	Đạt	
50	29206765010	Trần Thúy	Uyên	11/03/2005	Quảng Nam	31SBN9	10.0	9.4	Đạt	
51	28214331866	Phạm Ngọc Triều	Vỹ	11/02/2004	Đà Nẵng	31SBN9	6.0	8.5	Đạt	
52	28214602849	Nguyễn Đăng Việt	Anh	08/04/2004	Đà Nẵng	31SYC8	6.0	5.8	Đạt	
53	29204320072	Phan Thị Diệu	Châu	09/09/2005	Quảng Trị	31SYC8	10.0	9.3	Đạt	
54	28212401808	Võ Thành	Công	04/09/2004	Quảng Trị	31SYC8	9.0	9.3	Đạt	
55	28212438531	Nguyễn Đức	Công	22/10/2004	Gia Lai	31SYC8	6.0	6.5	Đạt	
56	29217154613	Trần Đình	Duy	20/08/2005	Quảng Trị	31SYC8	9.7	9.5	Đạt	
57	29207165470	Phạm Thị Hoàng	Hào	11/11/2005	Thừa Thiên H	31SYC8	9.0	9.5	Đạt	
58	29207164581	Nguyễn Thị Thu	Hiền	08/08/2005	Gia Lai	31SYC8	10.0	7.3	Đạt	
59	29207243228	Mai Đặng	Hiếu	15/01/2005	Bình Định	31SYC8	9.7	7.8	Đạt	
60	28212452846	Lê Quốc	Hội	12/11/2004	Quảng Nam	31SYC8	9.3	6.5	Đạt	
61	28214846667	Thái Bá	Huy	27/03/2004	Gia Lai	31SYC8	6.3	5.0	Đạt	
62	27205432214	Lê Thị Mỹ	Linh	04/09/2003	Gia Lai	31SYC8	9.3	9.8	Đạt	
63	28206506166	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	16/08/2004	Quảng Trị	31SYC8	8.3	6.0	Đạt	
64	29214643920	Nguyễn Thanh	Minh	07/02/2005	Thừa Thiên H	31SYC8	6.3	4.4	Không Đạt	
65	29207129794	Ngô Vũ Hoàn	My	21/11/2005	Quảng Nam	31SYC8	7.3	5.8	Đạt	
66	28208047873	Nguyễn Thị Du	Na	20/12/2004	Đà Nẵng	31SYC8	6.7	5.0	Đạt	
67	28219454520	Đặng Vĩnh	Nguyên	22/09/2004	Quảng Bình	31SYC8	7.3	6.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	29204956913	Nguyễn Thị Nhi	05/09/2005	Quảng Trị	31SYC8	9.0	6.5	Đạt	
69	28212504021	Phạm Thái Sang	26/10/2004	Phú Yên	31SYC8	10.0	6.9	Đạt	
70	28209505389	Đặng Thị Phương Thảo	27/02/2004	Quảng Bình	31SYC8	6.0	5.3	Đạt	
71	29204627331	Trần Thị Thùy Trang	11/10/2005	Quảng Ngãi	31SYC8	7.0	4.3	Không Đạt	
72	29207165625	Nguyễn Thị Phương Trang	26/11/2005	Nghệ An	31SYC8	9.3	8.8	Đạt	
73	28208104053	Trần Thị Kim Tuyết	06/06/2004	Quảng Ngãi	31SYC8	10.0	8.3	Đạt	
74	29207129687	Huỳnh Vũ Ái Tuyết	04/11/2004	Phú Yên	31SYC8	7.0	5.0	Đạt	
75	29206539401	Nguyễn Thị Kim Vi	16/05/2005	Đắk Lắk	31SYC8	8.7	7.3	Đạt	
76	28206506257	Trương Nhật Trinh Anh	26/08/2004	Đắk Lắk	31THT16	7.0	5.5	Đạt	
77	28216803370	Phan Phước Tuấn Anh	27/04/2004	Thừa Thiên H	31THT16	7.0	7.3	Đạt	
78	29206549425	Trần Thị Quỳnh Anh	28/01/2005	Gia Lai	31THT16	9.3	8.3	Đạt	
79	29207129665	Trần Thị Hoàng Anh	01/04/2005	Đà Nẵng	31THT16	7.7	9.8	Đạt	
80	29214653332	Lê Hùng Anh	01/05/2004	Đà Nẵng	31THT16	6.7	6.8	Đạt	
81	29206534626	Cao Vi Bảo Ánh	01/01/2005	Quảng Ngãi	31THT16	9.7	7.4	Đạt	
82	28215121177	Trương Duy Bảo	28/05/2004	Đà Nẵng	31THT16	10.0	9.0	Đạt	
83	28214141095	Trương Nguyên Duy	14/06/2004	Quảng Nam	31THT16	9.7	9.5	Đạt	
84	28205101694	Phan Linh Giang	02/11/2004	Quảng Bình	31THT16	9.0	8.5	Đạt	
85	29204759838	Phạm Thị Thu Hà	12/11/2005	Hồ Chí Minh	31THT16	9.7	7.5	Đạt	
86	28214344699	Trần Văn Hậu	04/08/2004	Quảng Nam	31THT16	9.0	8.5	Đạt	
87	28205151701	Trương Thị Mỹ Hiền	26/04/2004	Quảng Nam	31THT16	9.3	5.0	Đạt	
88	29214355687	Lê Gia Huy	28/06/2005	Gia Lai	31THT16	6.7	7.0	Đạt	
89	28206601479	Nguyễn Thị Thu Huyền	31/07/2004	Quảng Bình	31THT16	9.7	5.9	Đạt	
90	28206521943	Ngô Thị Ngọc Mỹ	29/06/2004	Huế	31THT16	8.7	4.0	Không Đạt	
91	28204300635	Hồ Thị Kim Ngọc	02/01/2004	Quảng Nam	31THT16	9.3	7.4	Đạt	
92	27211329208	Nguyễn Trung Nguyên	02/09/2003	Kon Tum	31THT16	7.0	5.6	Đạt	
93	28214603201	Nguyễn Chánh Nguyên	07/02/2004	Bình Định	31THT16	10.0	9.5	Đạt	
94	29206539877	Phạm Yến Nhi	04/03/2005	Quảng Ngãi	31THT16	9.0	8.5	Đạt	
95	28215105754	A Na Nhơn	24/03/2004	Kon Tum	31THT16	7.3	5.0	Đạt	
96	28204903707	Trương Thị Như	30/11/2004	Quảng Nam	31THT16	9.0	5.3	Đạt	
97	29206548874	Chung Thị Thu Sang	21/09/2005	Quảng Ngãi	31THT16	9.0	9.5	Đạt	
98	29206126152	Trần Thị Ngọc Tâm	25/05/2005	Đà Nẵng	31THT16	5.3	5.5	Đạt	
99	28218100129	Trần Nguyễn Hữu Thắng	15/01/2004	Quảng Nam	31THT16	10.0	9.0	Đạt	
100	28218103106	Đàm Chu Minh Thắng	29/12/2004	Lâm Đồng	31THT16	7.0	8.0	Đạt	
101	28204600738	Nguyễn Thị Bích Thúy	22/10/2004	Quảng Ngãi	31THT16	9.3	10.0	Đạt	
102	29206141369	Phan Thị Bích Tiên	16/01/2005	Phú Yên	31THT16	8.7	6.1	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	29206760734	Lê Thị Thùy	Tranh	07/02/2004	Quảng Trị	31THT16	10.0	6.6	Đạt	
104	29204635949	Mai Thị Tổ	Trinh	11/10/2005	Quảng Nam	31THT16	8.7	8.3	Đạt	
105	28214647888	Dương Văn	Tuấn	25/01/2004	Quảng Bình	31THT16	6.7	8.8	Đạt	
106	28205100661	Văn Thị	Tuyên	06/07/2004	Đà Nẵng	31THT16	7.3	6.0	Đạt	
107	28209301429	Trương Thị	Hằng	20/04/2004	Phú Yên	30TYC10	5.0	3.6	Không Đạt	
108	28204502696	Võ Thị Lệ	Huyền	11/10/2004	Quảng Ngãi	31TBN10	8.7	3.4	Không Đạt	
109	28204606195	Đặng Ngọc Gia	Hân	23/06/2004	Daklak	31TBN14	5.3	2.0	Không Đạt	
110	28204602266	Đỗ Thị	Hương	15/10/2004	Gia Lai	31TBN14	8.7	0.0	Không Đạt	
111	27202102851	Trần Thị Thùy	Trang	14/10/2003	Đà Nẵng	31TBN9	8.3	6.0	Đạt	
112	29208051245	Nguyễn Thị Thu	Hằng	11/05/2005	Đà Nẵng	31THT14	7.0	7.5	Đạt	
113	28214724190	Nguyễn Quang	Vũ	09/11/2004	Đà Nẵng	31TSC11	5.0	6.6	Đạt	
114	28204552464	Cao Ngọc Bảo	Quyên	22/02/2004	Đà Nẵng	31TYC7	8.7	6.4	Đạt	
115	28213232277	Nguyễn Đức Anh	Toàn	25/05/2004	Đà Nẵng	31TYC7	7.0	7.5	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh